

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình thạc sĩ Báo chí học định hướng ứng dụng, mã số ngành: 8320101

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Báo chí học định hướng ứng dụng ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa

tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Trường phòng Tổ chức – Cán bộ, Trường phòng Kế hoạch – Tài chính, Viện Trường Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG
NGÀNH: BÁO CHÍ HỌC
MÃ SỐ: 8320101

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2865/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

-Tên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Báo chí học
- + Tiếng Anh: Journalism

-Mã số ngành đào tạo: 8320101

-Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

-Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

-Thời gian đào tạo: 2 năm

-Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

- + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Báo chí học
- + Tiếng Anh: The Degree of Master in Journalism

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở trình độ thạc sĩ, có kiến thức chuyên môn sâu, tiên tiến, bám sát thực tế về ngành Báo chí, có năng lực vận dụng sáng tạo kiến thức vào hoạt động thực tiễn liên quan ngành Báo chí, có khả năng thiết kế, xây dựng, tư vấn hoặc trực tiếp giải quyết vấn đề liên quan đến báo chí.

2.2 Mục tiêu cụ thể

- Người học có khả năng vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức khoa học xã hội và

nhân văn và kiến thức thực tiễn về báo chí truyền thông cũng như các phương pháp chuyên ngành báo chí và truyền thông vào thực tiễn hoạt động báo chí truyền thông.

- Người học có khả năng áp dụng thành thạo, linh hoạt các kỹ năng hoạt động nghề nghiệp để tổ chức các hoạt động thực tiễn, giải quyết các vấn đề liên quan tới báo chí truyền thông hoặc tư vấn, tham gia hoạch định chính sách ngành Báo chí, truyền thông.

- Có tinh thần thượng tôn pháp luật, thái độ hợp tác, tôn trọng và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, liêm chính học thuật.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1 Hình thức tuyển sinh: xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2 Đối tượng dự tuyển:

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- Đã tốt nghiệp đại học trở lên (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển.

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu của chương trình đào tạo từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và ĐHQGHN chấp nhận.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương

trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có).

3.2.3. Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành luật từ mức cảnh cáo trở lên, không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Có đủ sức khoẻ để học tập.

- Đáp ứng các yêu cầu khác của ĐHQGHN.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Báo chí học.

- Ngành phù hợp 2:

+ Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa nước ngoài, Xã hội học và Nhân học, Thông tin – thư viện, Xuất bản – Phát hành;

+ Các ngành: Văn học, Sư phạm Ngữ Văn, Ngôn ngữ học, Chính trị học, Quốc tế học, Lịch sử, Triết học, Luật, Khoa học quản lý, Tâm lý học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Kinh tế số, Quan hệ quốc tế, Đạo diễn sân khấu; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Quay phim; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Thiết kế đồ họa, Marketing, Kinh tế chính trị, Lưu trữ học.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2 Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Lý luận Báo chí truyền thông	3

STT	Học phần	Số tín chỉ
2	Thẻ loại Báo chí Truyền thông	3
3	Loại hình Báo chí truyền thông	3
5	Lao động nhà báo và cơ quan báo chí	3
Tổng cộng		12

3.4 Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 50-60 học viên/1 năm).
- Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường ĐHKHXNV được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

PLO 1. Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

1.2 Kiến thức ngành, chuyên ngành

PLO 2. Phân tích được một cách hệ thống về các vấn đề thực tiễn báo chí và truyền thông bằng lý thuyết liên ngành, kiến thức thực tiễn sâu, rộng, tiên tiến; có năng lực nghiên cứu các vấn đề lý thuyết cơ bản của lĩnh vực báo chí truyền thông.

PLO 3. Có khả năng áp dụng và phân tích, đánh giá, quản lý, lãnh đạo được hoạt động tác nghiệp báo chí cũng như xây dựng các phương thức chuyển tải thông tin báo chí một cách hiệu quả.

2. Chuẩn về kỹ năng

PLO 4. Có kỹ năng phân tích, đánh giá thông tin từ các nguồn tin đa dạng để áp dụng vào thực tiễn hoạt động và nghiên cứu báo chí truyền thông.

PLO 5. Có kỹ năng tập hợp các nguồn lực và truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu để xây dựng, duy trì, phát triển mối quan hệ giữa các cá nhân và triển khai các sản phẩm báo chí truyền thông trong thực tiễn.

PLO 6. Có khả năng so sánh, đối chiếu các xu hướng thực tiễn báo chí và đề xuất được phương án cụ thể cho cơ quan báo chí trong tương lai.

PLO 7. Kỹ năng tổ chức, quản trị, quản lý và phát hiện, giải quyết các vấn đề liên

quan đến hoạt động báo chí truyền thông cũng như triển khai một dự án/đề án báo chí truyền thông một cách độc lập.

3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm

PLO 8. Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng và định hướng cho người khác với tư cách là người có lý luận chuyên ngành báo chí, truyền thông.

PLO 9. Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực báo chí, truyền thông.

PLO 10. Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực báo chí, truyền thông.

PLO 11. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn liên quan tới lĩnh vực báo chí, truyền thông.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Chương trình giáo dục sau đại học ngành Báo chí đào tạo thạc sỹ có kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết để tác nghiệp có chất lượng cao tại các cơ quan quản lý báo chí, các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, báo điện tử trực tuyến, các công ty quảng cáo, truyền thông, hoặc các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu...

Các thạc sỹ ngành Báo chí có khả năng thực hiện các chức trách phóng viên, biên tập viên chính tại các cơ quan báo, tạp chí, hãng tin, đài phát thanh, đài truyền hình, làm cán bộ nghiên cứu-giảng dạy tại các cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học về báo chí và truyền thông đại chúng, làm cán bộ chức năng trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý thông tin báo chí hoặc thực hiện các chức trách công tác đòi hỏi sự hiểu biết có hệ thống, cơ bản về lý luận và kỹ năng nghiệp vụ báo chí, làm chuyên viên chính tại các công ty truyền thông,... Người tốt nghiệp bậc thạc sỹ Báo chí học cũng có thể đảm nhận công việc biên tập, phóng viên cấp cao, phóng viên thường trú tại nước ngoài, bình luận chính trị - kinh tế trong các cơ quan thông tin, báo chí, xuất bản.

Các thạc sỹ Báo chí còn có khả năng thích ứng rộng để có thể thực hiện các chức trách công tác tại các cơ quan đơn vị có liên quan đến báo chí và truyền thông đại chúng như các cơ quan văn hoá - tư tưởng, các cơ quan, tổ chức truyền thông vận động xã hội, các bộ phận thông tin tổng hợp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội, các công ty, tổ hợp, tập đoàn, doanh nghiệp kinh tế, thương mại, dịch vụ, tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước...

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Thạc sĩ Báo chí học có năng lực tổ chức và thực hiện tốt các hoạt động trong lĩnh vực công tác của mình, cụ thể có thể trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu, giảng dạy hoặc các hoạt động thực tiễn khác.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **64** tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: **09** tín chỉ

- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **37** tín chỉ

+ Bắt buộc: 24 tín chỉ

+ Lựa chọn: 13 tín chỉ/ 39 tín chỉ

- Thực tập thực tế: **9** tín chỉ

- Học phần tốt nghiệp: **9** tín chỉ

2. Khung chương trình

STT	Mã	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	Ngoại ngữ B2* (chọn một trong các ngoại ngữ sau)		5	250	0	0	
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	250	0	0	
	CHI5001	Tiếng Trung B2 <i>Chinese B2</i>	5	250	0	0	
	RUS5001	Tiếng Nga B2 <i>Russian B2</i>	5	250	0	0	
	WES5001	Tiếng Đức B2 <i>German B2</i>	5	250	0	0	
	FRE5001	Tiếng Pháp B2 <i>French B2</i>	5	250	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành		37				
II.1	Các học phần bắt buộc		24				
3	JOU6049	Pháp luật và đạo đức báo chí trong	4	50	20	130	

* Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ B2 được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích lũy

STT	Mã	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		bối cảnh số <i>The law issues and Journalistic ethics in digital age</i>					
4	JOU6041	Lý luận và thực tiễn các loại hình báo chí <i>Journalism: Theory and Practice</i>	4	50	20	130	
5	JOU6047	Xu hướng phát triển của báo chí hiện đại <i>Future trends of media</i>	4	55	10	130	
6	JOU6042	Chiến lược và chiến thuật Quan hệ công chúng <i>PR strategy and tactics</i>	4	55	10	130	
7	JOU6043	Lãnh đạo và quản lý báo chí <i>Party's leadership and media control</i>	4	55	10	130	
8	JOU6046	Kinh tế báo chí <i>Economic issues of media industry</i>	4	50	20	130	
II.2	Các học phần tự chọn		13/39				
9	JOU6029	Các phương pháp thiết kế và triển khai nghiên cứu truyền thông <i>Media Research Methodologies</i>	3	40	10	100	
10	JOU6006	Tác phẩm báo chí <i>Journalistic products</i>	3	35	20	95	
11	JOU6074	Báo chí dành cho công chúng chuyên biệt <i>Journalism for Target Audiences</i>	3	35	20	95	
12	JOU6045	Ngôn ngữ truyền thông hiện đại <i>Modern Media Languages</i>	4	55	10	135	
13	JOU6048	Truyền thông hội tụ và đa phương tiện <i>Convergence and multi media</i>	4	55	10	135	
14	JOU6025	Các học thuyết về báo chí và truyền thông <i>Mass Communication Theories</i>	3	40	10	100	
15	JOU6053	Báo chí dữ liệu <i>Data Journalism</i>	4	50	20	130	
16	JOU6178	Nghiệp vụ báo chí về kinh tế <i>Press skill of Economy</i>	3	35	20	95	
17	JOU6179	Nghiệp vụ báo chí về thể thao <i>Press skill of Sport</i>	3	35	20	95	
18	JOU6180	Nghiệp vụ báo chí về môi trường <i>Press skill of Environment</i>	3	35	20	95	
19	JOU6181	Nghiệp vụ báo chí về văn hóa và đời sống xã hội	3	35	20	95	

STT	Mã	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiền quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Press skill of culture and social</i>					
20	JOU6182	Nghiệp vụ báo chí về truyền thông quốc tế <i>Press skill of Internaltional Communication</i>	3	35	20	95	
III	Thực tập thực tế		9				
21	JOU6054	Thực tập thực tế <i>Practice</i>	9	0	0	450	
IV	Học phần tốt nghiệp		9				
22	JOU7204	Đề án <i>Project</i>	9	0	0	450	
Tổng cộng			64				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lý thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá